

Bản án số: 309/2024/DS-PT
Ngày: 27/12/2024
V/v “*Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đăng
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũng
Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tín - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Ông Đỗ Văn Minh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27/12/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 300/2024/TLPT-DS ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 142/2024/DSST ngày 13/9/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 383/2024/QĐ-PT ngày 27/11/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đoàn Trung H, sinh năm 1960 (Có mặt)

Địa chỉ: Số A, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Ung Văn H1, sinh năm 1962; địa chỉ số A, P, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, văn bản ủy quyền ngày 28/02/2024 (Có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ngân hàng TMCP Đ (P)

Địa chỉ trụ sở: B N, phường T, quận H, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Đình L**, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện ủy quyền: **Nguyễn Trọng H2** – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh V; **Nguyễn Hồng S** – Chức vụ: Chuyên viên pháp lý QT&PTD – Khối Pháp chế và tuân thủ, (văn bản ủy quyền số: 10231/UQ-PVB, ngày 14/5/2024) (Có mặt).

2.2. Công ty TNHH B (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tầng B, Trung tâm thương mại S2, số C T, phường B, Quận A, TP

..

Đại diện theo ủy quyền: **Hà Thị Quỳnh U** – Chức vụ: Giám đốc Giám đốc cấp cao pháp lý; **Nguyễn Thành L1** – Chức vụ: Quản lý pháp lý, (văn bản ủy quyền số: 86-23/04.24/legal, ngày 23/4/2024).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Đặng Ngọc Thiên T**, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ B, khóm B, phường C, Thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

3.2. Bà **Trần Thị Thu S1** (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

3.3. Bà **Nguyễn Thị Phương D**, sinh năm 1973 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Số A, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26/02/2024; đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 01/4/2024 của nguyên đơn Đoàn Trung H, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa ông Ung Văn H1 đại diện hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 18/4/2022, ông Đoàn Trung H cùng vợ là bà Nguyễn Thị Phương D đến Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh V (gọi tắt là P1) để gửi tiền tiết kiệm. Tại P1, bà Đặng Ngọc Thiên T và bà Trần Thị Thu S1 có mời vợ chồng ông H vào phòng làm việc để tư vấn gói sản phẩm đầu tư linh hoạt sinh lợi của P1 với lãi suất cao hơn gửi tiết kiệm từ 8% đến 16%/năm nhưng không biết sản phẩm gì. Tại thời điểm đó, bà T, bà S1 không giải thích cho ông bà biết đây là sản phẩm Bảo hiểm nhân thọ của Công ty trách nhiệm hữu hạn B (gọi tắt là Công ty B) thông qua kênh phân phối là mạng lưới hoạt động của P1; không tư vấn kỹ về hậu quả, rủi ro của sản phẩm như thế nào. Sau đó bà T, bà S1 đưa cho vợ chồng ông H 01 tờ giấy là bản tính lãi của sản phẩm nếu đóng đủ 500.000.000đ thì nhận lãi 03 hoặc 06 tháng một lần; nếu không nhận lãi thì 05 năm sau sẽ có lãi khoảng 834.000.000đ; vợ chồng ông H, bà D cứ nghĩ đây là đầu tư vào P1, tin tưởng vào uy tín và lãi suất tốt của P1 nên ông H đồng ý tham gia.

Ngoài ra, bà T, bà S1 có đưa cho vợ chồng ông H ký tờ giấy gì không biết với mục đích là được nhận 2 thẻ bảo hiểm (thẻ này dùng để chi trả tiền viện phí khi nằm viện) và vợ chồng ông H có nhận 02 thẻ này. Khi ký thì vợ chồng ông H không có đọc lại nội dung, vì tin tưởng nhân viên Ngân hàng đã tư vấn nên ký.

Từ đó ông H đã nộp trước 50.000.000đ vào ngày 18/4/2022 nhưng sau đó có hoàn trả lại cho ông H số tiền 1.500.000đ. Đến ngày 26/5/2022, ông H nộp thêm số tiền 20.000.000đ. Sau khi ông H nộp tiền thì không có ai liên lạc để tư vấn vấn đề gì khác; đến khoảng 01 năm sau thì ông H đến P1 đóng thêm số tiền còn lại đủ 500.000.000đ thì không ai nhận mà kêu ông H về sẽ có người liên lạc tư vấn lại. Đến ngày 20/4/2023, P1 mời ông H đến để làm việc thì ông H mới biết đây là hợp đồng bảo hiểm, nên ông H không đồng ý. Ông H nhận thấy bị P1 lừa dối mình để tham gia vào hợp đồng bảo hiểm này, P1 đã lợi dụng vào lòng tin của khách hàng để tư vấn làm cho khách hàng ngộ nhận là đầu tư gửi tiền vào P1 nên ông mới tham gia. Do đó, ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ số 75372651, ngày 19/4/2022 giữa ông với Công ty trách nhiệm hữu hạn B, đồng thời buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn B và Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có trách nhiệm liên đới hoàn trả lại cho ông số tiền 68.500.000đ.

Tại Bản nêu ý kiến của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn B ngày 29/5/2024, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa ông Nguyễn Thành L1 đại diện hợp pháp trình bày:

Đối với hợp đồng bảo hiểm giữa Công ty bảo hiểm với ông H là hoàn toàn hợp pháp, được các bên ký kết trên tinh thần tự nguyện nên có giá trị pháp lý để thực hiện; ông H đã ký vào Thư xác nhận ngày 19/4/2022; cùng ngày ông H được nhân viên Prudential tư vấn hỗ trợ lập Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm nhân thọ trên máy tính, sau đó ông H đã nộp số tiền 50.000.000đ. Qua 03 yếu tố trên thì Công ty đã xem xét, thẩm định đồng ý xác lập và phát hành Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ số 75372651, ngày 19/4/2022, tiến hành bàn giao Hợp đồng cho ông H vào ngày 05/5/2022. Trong bộ Hợp đồng có giấy chứng nhận bảo hiểm và đầy đủ các thông tin cơ bản về hợp đồng bảo hiểm như sản phẩm bảo hiểm, số tiền bảo hiểm, số phí bảo hiểm, định kỳ đóng phí,... Ông H đã nhận và đọc các tài liệu này, cho nên ông H phải biết rõ về hợp đồng bảo hiểm của mình, ngoài ra, ông H có 21 ngày để kiểm tra hợp đồng bảo hiểm xem có đúng với các nội dung mà mình đã yêu cầu không và báo lại Prudential để sửa đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng nhưng ông H không có yêu cầu gì. Do đó, ông H cho rằng không biết mình có tham gia hợp đồng bảo hiểm với Công ty B là hoàn toàn không có căn cứ.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng bảo hiểm, ông H đã một lần tiến hành đầu tư vào các Quỹ liên kết của Prudential vào ngày 30/5/2022 thông qua hình thức yêu cầu online. Như vậy có thể thấy ông H hiểu rõ các quyền lợi về đầu tư của sản phẩm bảo hiểm và hoàn toàn tự nguyện tham gia vào hoạt động đầu tư này.

Do đó, Công ty B cho rằng Hợp đồng bảo hiểm số 75372651 đã được xác lập dựa trên sự tự nguyện của hai bên, đúng theo các quy định của pháp luật, cho nên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H. Trường hợp, Hội đồng xét xử tuyên vô hiệu hợp đồng bảo hiểm thì ông không yêu cầu bồi thường thiệt

hại.

Ngoài ra, ông thừa nhận từ khi ông H gửi thư điện tử về yêu cầu B đến khi xác nhận hợp đồng bảo hiểm thì Công ty không có liên lạc cho ông H mà chỉ thăm định trên hồ sơ. Sau đó ông H có tham gia gói sản phẩm đầu tư thêm vào quỹ cổ phiếu với số tiền 20.000.000đ.

*** Tại biên bản hòa giải ngày 04/6/2024, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ trình bày:**

P1 là đại lý phân phối cho Công ty trách nhiệm hữu hạn B; bà T là nhân viên của P1, bà T được Công ty B đào tạo và được cấp mã C để tư vấn cho khách hàng về bảo hiểm. Cho nên, ngày 18/4/2022 bà T có tư vấn cho ông H, bà D về sản phẩm bảo hiểm nhân thọ; ông H tự nguyện ký hợp đồng và đóng tiền cho Công ty B. Do đó, P1 không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông H. Trường hợp hợp đồng bảo hiểm bị vô hiệu thì Ngân hàng không có yêu cầu bồi thường thiệt hại.

*** Tại biên bản hòa giải ngày 04/6/2024, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết bà Đặng Ngọc Thiên T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:**

Trước ngày 18/4/2022, vợ chồng ông H, bà D có đến Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh V để gửi tiền tiết kiệm nhiều lần và bà là người tư vấn cho vợ chồng ông H nhiều lần.

Đến ngày 18/4/2022, vợ chồng ông H, bà D tiếp tục đến P1 gửi tiền tiết kiệm, sau đó bà và bà S1 có tư vấn cho vợ chồng ông H, bà D về sản phẩm kết hợp với đầu tư tên sản phẩm là “*Pru đầu tư linh hoạt*” với mức đầu tư và bảo hiểm bằng 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng), trong đó bảo hiểm 50.000.000đ, 450.000.000đ là đầu tư. Bà thừa nhận bà có tư vấn cho vợ chồng ông H sản phẩm bảo hiểm nhưng về phần đầu tư thì bà không có tư vấn cụ thể, chi tiết, chưa đầy đủ về rủi ro; bà và bà S1 có đưa cho vợ chồng ông H bảng ước tính giá trị tương lai nếu ông H nộp 500.000.000đ và không nhận lãi thì 05 năm sau nhận được số tiền 834.000.000đ, bảng chi tiết này do BSM Trần Minh T1 (Giám đốc phát triển kinh doanh của dự án V1) đưa cho bà; đồng thời bà có đưa cho vợ chồng ông H ký tên “*Thư xác nhận*” và giải thích vợ chồng ông H đây là sản phẩm bảo hiểm có kết hợp với đầu tư. Sau khi tư vấn thì ông H có nộp số tiền 50.000.000đ tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh V vào tài khoản thụ hưởng là Công ty trách nhiệm hữu hạn B.

Bà xác nhận về Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm nhân thọ thì do bà tự làm, các thông tin của ông H đã có sẵn trên hệ thống P1, vì ông H, bà D đã giao dịch nhiều lần tại P1 trước đó; còn đối với số điện thoại 0947096780 trong hồ sơ là do bà tự lấy điền vào, đây là sim rác, việc này do ông T1 hướng dẫn bà làm; số điện thoại này do ông T1 đưa sim điện thoại cho bà trước đó và lấy số điện thoại này để lấy mã OTP để xác nhận hợp đồng; số điện thoại này sau đó tự hủy.

Tại thời điểm ngày 18/4/2022 bà là nhân viên do P1 quản lý, đồng thời bà được Công ty B đưa đi đào tạo và cấp chứng chỉ bảo hiểm, cấp mã C để tư vấn và bán

bảo hiểm cho khách hàng. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông H thì bà thừa nhận có thiếu sót trong việc tư vấn cho ông H nhưng thiếu sót này không phải riêng mình bà mà có các nhân viên của Bảo hiểm cũng tham gia như bà S1 và ông T1 là người hướng dẫn cho bà tư vấn như thế.

Tại bản án **dân sự sơ thẩm** số 142/2024/DSST ngày 13/9/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Vĩnh Long đã quyết định:

Áp dụng:

Căn cứ khoản 3 Điều 26 và các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 117, 127, 131, 132 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 12, 22 của Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 61/2010/QH12 và Luật số 42/2019/-QH14; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Tuyên bố vô hiệu Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ số 75372651, ngày 19/4/2022 giữa ông Đoàn Trung H với Công ty trách nhiệm hữu hạn B.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn B và Ngân hàng thương mại cổ phần Đ cùng có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Đoàn Trung H số tiền 68.500.000đ (Sáu mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng).

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn xử lý về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 16/9/2024, bị đơn Công ty TNHH B có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 27/9/2024, bị đơn Ngân hàng TMCP Đ có đơn kháng cáo với nội dung: Bác toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Trung H.

Tại phiên tòa hôm nay:

Đại diện Ngân hàng TMCP Đ (sau đây viết tắt là Ngân hàng Đ / P) trình bày giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa Bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Công ty TNHH B (sau đây viết tắt là Công ty B) có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và có ý kiến đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của công ty, sửa bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông H.

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ và Công ty TNHH B, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Về nội dung:

Kiểm sát viên trình bày nội dung, phân tích chứng cứ, căn cứ pháp luật và đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của Công ty B và Ngân hàng Đ, đề nghị y án sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm đương sự nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH VỤ ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của Công ty B và Ngân hàng Đ còn trong hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung:

1. Hợp đồng bảo hiểm số 75372651 ngày 19/4/2022 do bên mua bảo hiểm ông Đoàn Trung H và người được bảo hiểm bà Nguyễn Thị Phương D ký tên đề nghị xác nhận bằng mã OTP, hiệu lực ký kết hợp đồng bảo hiểm được bà Đặng Ngọc Thiên T vừa là nhân viên Ngân hàng P, vừa là tư vấn viên Công ty B cùng với bà Trần Thị Thu S1 là nhân viên của P – Nơi ông H, bà D gửi tiết kiệm nhiều lần thông qua bà T và bà S1 và ngày bà T tư vấn bảo hiểm cho ông H cũng là ngày ông H gửi tiền tiết kiệm. Trong quá trình tư vấn bảo hiểm, bà T không giải thích rõ nội dung, mục đích hợp đồng rủi ro như thế nào mà chỉ tư vấn quyền lợi của khách hàng, từ đó ông H nghĩ đang giao dịch với P chứ không phải giao dịch với Công ty B và đầu tư với mức lãi suất cao chứ không phải thực hiện hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, nên ông H nộp số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 18/4/2022, ngày hợp đồng có hiệu lực ngày 19/4/2022 sau đó chuyển trả cho ông H số tiền 1.500.000 đồng, đến ngày 27/5/2022 nộp thêm 20.000.000 đồng và một năm sau ông đến ngân hàng nhận lãi và nộp thêm tiền thì mới biết là hợp đồng bảo hiểm.

Xét về thời gian, địa điểm và hoàn cảnh để xác lập hợp đồng của nhân viên cho thấy ông H hiểu nhầm giao dịch là có căn cứ, đồng thời bà T thừa nhận hồ sơ yêu cầu bảo hiểm nhân thọ là do bà T làm trên thông tin có sẵn của hệ thống ngân hàng P và số điện thoại 0947096780 để thực hiện giao dịch không phải của ông H, bà D. Tại Công văn số 321/TTTD-VL01-DHNV ngày 01/8/2024 của trung tâm K xác định số điện thoại 0947096780 được kích hoạt ngày 28/5/2021 đến ngày 19/6/2022 thuê bao bị hủy, không phải do ông H đăng ký. Do đó việc bà D sử dụng số điện thoại không phải của ông H để xác định mã OTP của ông H nhằm để ký hợp đồng bảo hiểm là không đúng ý chí và tự nguyện của ông H nên cấp sơ thẩm xử vô hiệu Hợp đồng bảo hiểm số 75372651 ngày 19/4/2022 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Từ nhận định trên chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP Đ (P) và không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH B và chấp nhận một phần đề nghị của Kiểm sát viên.

2. Án phí phúc thẩm: Ngân hàng TMCP Đ không phải nộp án phí và Công ty TNHH B nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ **Khoản 2** Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015,

Chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP Đ (P) và không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH B, sửa 1 phần bản án sơ thẩm về trách nhiệm trả tiền của Ngân hàng TMCP Đ.

Căn cứ khoản 3 Điều 26 và các Điều 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, 127, 131, 132 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 12, 22 của Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 61/2010/QH12 và Luật số 42/2019/-QH14; khoản 2 Điều Điều 12, Điều 14, Điều 15, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Vô hiệu Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ số 75372651, ngày 19/4/2022 giữa ông Đoàn Trung H với Công ty trách nhiệm hữu hạn B.
2. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn B có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Đoàn Trung H số tiền 68.500.000đ (Sáu mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng).
3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng TMCP Đ (P) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả Ngân hàng TMCP Đ (P) số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng, theo biên lai thu số 0007269 ngày 03/10/2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long); Công ty trách nhiệm hữu hạn B nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), đã nộp xong (theo biên lai thu số 0007265 ngày 02/10/2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long).

3. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, được quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao 01;
- VKSND Cấp cao 01;
- VKSNDTVL 01;
- TAND TPVL 01;
- THADS TPVL 01;
- Các ĐS 07;
- HCTP 01;
- KTNV&THA 01;
- Lưu hồ sơ vụ án 03.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Đăng